

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 22 tháng 2 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trình tự giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án
đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định về biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về trình tự giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2017.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 17/3/2010 và Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 18/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan và người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về trình tự giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về trình tự và trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
2. Các tổ chức, cá nhân khi tiến hành đăng ký đầu tư và triển khai đầu tư dự án bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh (bao gồm dự án có vốn đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài) thực hiện theo quy định này và các quy định khác của pháp luật về đầu tư hiện hành.
3. Các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này.

Chương II

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CẤP QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Điều 2. Các bước để thực hiện một dự án đầu tư

Tùy thuộc tính chất, quy mô và điều kiện của từng dự án, nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận phải tiến hành thực hiện các thủ tục đầu tư theo trình tự sau:

1. Đăng ký đầu tư: Quyết định chủ trương đầu tư (đối với nhà đầu tư trong nước); quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với

nhà đầu tư nước ngoài); điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

2. Chuẩn bị thực hiện đầu tư: Bắt đầu sau khi có quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và kết thúc khi có Giấy phép xây dựng (đối với dự án đầu tư có xây dựng), bao gồm các phần việc theo thứ tự sau:

- a) Lập, thẩm định và thỏa thuận quy hoạch xây dựng;
- b) Lập, phê duyệt, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trừ dự án không phải thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư);
- c) Kiểm kê, thẩm định tài nguyên rừng đối với dự án đầu tư trên đất có rừng;
- d) Lập hồ sơ thuê đất, thuê rừng hoặc giao đất, giao rừng (trừ dự án đã có quyền sử dụng đất của nhà đầu tư);
- đ) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng;
- e) Lập và phê duyệt hồ sơ về môi trường (lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường), phòng cháy chữa cháy;
- g) Lập thẩm định thiết kế cơ sở, phê duyệt dự án, lập thẩm định thiết kế kỹ thuật, thi công; cấp phép xây dựng;

3. Thực hiện dự án đầu tư.

4. Nhà đầu tư được thực hiện đồng thời, song song nhiều thủ tục hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Các thủ tục hành chính do một cơ quan có thẩm quyền quyết định;
- b) Pháp luật không quy định một hoặc một số thủ tục phải được thực hiện sau khi hoàn thành thủ tục khác.

Điều 3. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Cấp Quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án được quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư năm 2014 và Khoản 9 Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Cấp điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án được quy định tại Khoản 4, Điều 40 Luật Đầu tư năm 2014; Điều 34 và Khoản 4 Điều 62 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

c) Tạm dừng, ngừng hoạt động đối với những dự án được quy định tại Điều 47 Luật Đầu tư năm 2014.

d) Chấm dứt, thu hồi dự án đối với những dự án vi phạm Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với những dự án được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 38 Luật Đầu tư năm 2014 và Điều 62 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

b) Xem xét giãn tiến độ đầu tư đối với những dự án thực hiện chậm tiến độ so với Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp được quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014.

c) Tạm dừng, ngừng hoạt động đối với những dự án được quy định tại Điều 47 Luật Đầu tư năm 2014.

d) Chấm dứt, thu hồi dự án đối với những dự án vi phạm Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014.

Điều 4. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên và phù hợp quy hoạch

1. Trường hợp áp dụng: Dự án đầu tư được nêu tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư và Khoản 2, Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thời gian giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 5. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có trong quy hoạch và nhiều nhà đầu tư đăng ký tham gia

1. Một vị trí dự án (chưa phải đất sạch) có nhiều Nhà đầu tư đăng ký đầu tư cùng lúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định hồ sơ đăng ký dự án của nhà đầu tư dựa trên năng lực tài chính, loại hình đầu tư được tỉnh khuyến khích, trong đó ưu tiên dự án đăng ký hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp, vị trí dự án là đất sạch không thuộc địa bàn và lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì thực hiện theo Điều 70 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư và Khoản 2, Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Rút ngắn 5 ngày so với quy định tại Khoản 2, Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014).

Điều 6. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nằm trong Cụm công nghiệp (chưa có chủ đầu tư hạ tầng)

1. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014 và Khoản 2, Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thời gian giải quyết: 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Rút ngắn 09 ngày so với quy định tại Khoản 2, Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014).

Điều 7. Xem xét, giải quyết đăng ký đầu tư đối với dự án chưa có trong quy hoạch

1. Trường hợp dự án đầu tư đăng ký đầu tư tại vị trí chưa có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, các sở ngành thống nhất vị trí dự án thì kết quả xử lý hồ sơ là Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất vị trí đầu tư làm cơ sở để các Cơ quan liên quan xem xét điều chỉnh hoặc bổ sung quy hoạch. Sau khi quy hoạch được điều chỉnh bổ sung, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư hoàn tất thủ tục hồ sơ dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư và Khoản 2, Điều

30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Sau khi thực hiện xong Khoản 1 Điều này, trình tự giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 8. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư

1. Trường hợp áp dụng: Dự án đầu tư của Nhà đầu tư nước ngoài; Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư 2014.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Sử dụng đồng thời hồ sơ ở bước quyết định chủ trương đầu tư.

3. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

1. Trường hợp áp dụng:

a) Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;

b) Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (nếu có).

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thời gian giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Rút ngắn 03 ngày so với quy định tại Khoản 3, Điều 29 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ).

Điều 10. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

1. Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư.

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐCP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp áp dụng: Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 33, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

4. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 11. Cấp điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Trường hợp áp dụng: Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 và Khoản 1 Điều 34, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thời gian giải quyết: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 12. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư

1. Trường hợp áp dụng: Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 và Khoản 1 Điều 34, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thời gian giải quyết: 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Chương III

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 13. Triển khai thực hiện đầu tư

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

Nhà đầu tư phải triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư theo đúng tiến độ theo quy định của pháp luật; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư.

2. Nhà đầu tư phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 15 của Quyết định này.

3. Giãn tiến độ đầu tư:

a) Nhà đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện dự án so với tiến độ ghi trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư phải có văn bản gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có dự án chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư;

b) Thời gian giải quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất.

4. Tạm ngừng, ngừng hoạt động của dự án đầu tư:

a) Nhà đầu tư tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có dự án chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, đề xuất của nhà đầu tư.

5. Trường hợp hoạt động trở lại, nhà đầu tư có thông báo bằng văn bản cho Cơ quan cấp phép đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có dự án.

Điều 14. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, theo qui định tại Điều 27, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Việc ký quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì thời điểm ký quỹ là thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Mức ký quỹ, giảm tiền ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 3,6,7,8, Điều 27, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

4. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo lựa chọn của nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ.

Điều 15. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư

1. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư;

b) Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;

c) Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

d) Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Trường hợp chuyển nhượng dự án phát sinh thu nhập, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 37, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

4. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Thời gian giải quyết: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

5. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

a) Thành phần hồ sơ: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư trình nộp với thành phần theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Thời gian giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 16. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế

1. Tổ chức kinh tế được hình thành trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là tổ chức lại) được kế thừa và tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với dự án đầu tư đã thực hiện trước khi tổ chức lại.

2. Nhà đầu tư quyết định việc tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Sau khi hoàn thành thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều này, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Điều 38 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

4. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 17. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài

1. Đối với dự án đầu tư phải điều chỉnh theo bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án, trọng tài thì nhà đầu tư căn cứ bản án, quyết định đó để điều chỉnh, tiếp nhận và tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ: Đối với dự án đầu tư thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 39 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

3. Nơi nộp hồ sơ: Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 18. Thủ tục nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Quyết định này, nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án đầu tư và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có nhu cầu).

Điều 19. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện trước ngày Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (01/7/2015).

Hồ sơ, trình tự thực hiện theo Điều 62 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 20. Chấm dứt hoạt động dự án, Thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 48 Luật Đầu tư; Điều 42 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án nếu Nhà đầu tư vi phạm một

trong những trường hợp sau nhưng không giải trình được việc vi phạm do nguyên nhân khách quan:

a) Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày ghi trên văn bản Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nhà đầu tư không liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn và làm thủ tục xin thuê đất, giao đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư;

c) Nhà đầu tư triển khai thực hiện không đúng theo Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,

d) Nhà đầu tư có văn bản xin không tiếp tục thực hiện dự án;

đ) Nhà đầu tư không thực hiện ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của Luật đầu tư 2014.

e) Nhà đầu tư không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước;

g) Nhà đầu tư vi phạm các nội dung theo quy định của Luật Đất đai năm 2013;

h) Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Sau khi thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục Khoản 1 của Điều này, UBND tỉnh sẽ tiến hành thu hồi quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Điều 21. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư

1. Trường hợp dự án đầu tư ngừng hoạt động và Sở Kế hoạch và Đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục sau:

a) Lập biên bản về việc dự án đầu tư ngừng hoạt động và không liên lạc được với nhà đầu tư;

b) Gửi văn bản yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đến địa chỉ mà nhà đầu tư đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản theo quy định tại Điểm này mà nhà đầu tư không liên lạc, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Gửi văn bản đề nghị hỗ trợ liên lạc với nhà đầu tư đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhà đầu tư cư trú (đối với nhà đầu tư trong nước là cá nhân), cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà nhà đầu tư mang quốc tịch (đối với nhà đầu tư nước ngoài) đồng thời đăng tải thông báo yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong thời hạn 90 ngày trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

2. Sau khi thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1 Điều này và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày dự án đầu tư ngừng hoạt động mà không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

3. Việc quản lý tài sản của dự án đầu tư sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú.

4. Trong phạm vi chức năng, thẩm quyền của mình, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ định người giám sát việc quản lý tài sản của dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có quyền, lợi ích liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Cơ quan thuế, hải quan có trách nhiệm thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan để thu hồi nợ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với nhà nước (nếu có);

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai thực hiện thu hồi đất, xử lý tài sản gắn liền với đất trong trường hợp dự án đầu tư thuộc diện thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về lao động đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ người lao động bị mất việc làm và giải quyết các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư trong phạm vi chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mọi yêu cầu hoặc tranh chấp giữa nhà đầu tư với cá nhân, tổ chức về các quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư quy định tại Điều này được giải quyết tại Tòa án, Trọng tài theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư ký nhận quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và bản tóm tắt hướng dẫn trình tự, thủ tục các bước triển khai dự án, quy định chế độ báo cáo tiến độ triển khai dự án theo biểu mẫu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện các công việc tiếp theo.

2. Thực hiện việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ghi trên Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục đất đai, môi trường theo quy định.

4. Thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai đầu tư dự án:

a) Liên hệ với Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố, thị xã nơi có đất để ký hợp đồng hỗ trợ việc thực hiện bồi thường, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, tái định cư của dự án hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh để ký hợp đồng hỗ trợ việc thực hiện bồi thường, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, tái định cư của dự án (đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất);

b) Liên hệ với UBND huyện, thành phố, thị xã nơi có đất để hỗ trợ công tác xét tính pháp lý, nguồn gốc đất làm cơ sở làm việc với người sử dụng đất trong phạm vi đất dự án để thỏa thuận theo hình thức chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để triển khai dự án.

5. Liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn thiết kế tận thu, khai thác lâm sản, lập hồ sơ sử dụng, bồi thường giá trị rừng trồng, rừng tự nhiên và các khoản thu về rừng khác theo quy định trên trên đất có rừng trước khi thực hiện dự án (nếu dự án có liên quan đến đất lâm nghiệp).

6. Liên hệ Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn kê khai, thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

7. Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn trước khi xin cấp phép xây dựng.

8. Đối với các dự án có xây dựng công trình, Nhà đầu tư liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng; thẩm định hồ sơ bản vẽ thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra nghiệm thu, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định.

9. Nhà đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo tiến độ triển khai dự án, báo cáo giám sát dự án đầu tư gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi cho sở chuyên ngành liên quan đến dự án, UBND các huyện, thành phố và thị xã nơi thực hiện dự án đầu tư để theo dõi:

a) Các loại báo cáo sau:

- Báo cáo tháng về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo biểu mẫu số 01 đính kèm;

- Báo cáo quý về tình hình thực hiện dự án đầu tư, Báo cáo giám sát định kỳ: Hằng quý, 6 tháng và cả năm (theo biểu mẫu số 02 áp dụng đối với dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư, biểu mẫu số 03 áp dụng đối với dự án trong giai đoạn khai thác, vận hành);

- Báo cáo năm về tình hình thực hiện dự án đầu tư, Báo cáo giám sát trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án (đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) theo biểu mẫu số 04 đính kèm.

b) Thời hạn báo cáo:

- Gửi báo cáo tháng: Thời hạn 12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo;

- Gửi báo cáo quý: Thực hiện trước ngày 12 của tháng đầu quý sau quý báo cáo;

- Gửi báo cáo 6 tháng: Thực hiện trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo;

- Gửi báo cáo năm: Thực hiện trước ngày 31 tháng 3 năm sau của năm báo cáo;

- Gửi báo cáo trước khi khởi công dự án 15 ngày;

- Gửi báo cáo trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án 15 ngày.

c) Ngoài thực hiện báo cáo giám sát dự án đầu tư nêu trên, hằng tháng Nhà đầu tư báo cáo Cơ quan đăng ký đầu tư và Cơ quan thống kê trên địa bàn tỉnh về tình hình thực hiện dự án đầu tư (gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư.

10. Thực hiện việc báo cáo định kỳ theo quy định trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

11. Cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện những công việc có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng dự án bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, theo phân cấp của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

2. Các sở, ban, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng các công trình sản xuất - kinh doanh của dự án bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật, theo hướng tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh trong thời gian ngắn nhất, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

3. UBND các huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, môi trường, quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy định này.

4. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố theo dõi, kiểm tra việc thực hiện đầu tư của các dự án thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành và địa phương, kiến nghị xử lý các trường hợp không thực hiện đúng quy định; đồng thời thực hiện những công việc có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 68 Luật Đầu tư năm 2014 và Điều 58 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

Điều 25. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu hồi đất đã cho thuê; quyết định thu hồi đất khu vực dự án, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng;

2. Sao gửi quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh, thu hồi quyết định chủ trương đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đến dự án;

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Nhà đầu tư trực tiếp đề nghị hoặc sở, ngành, địa phương đề nghị;

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quá trình đầu tư dự án theo các quy định hiện hành. Cụ thể:

a) Công khai các khu vực, dự án thu hút đầu tư, giới thiệu vị trí đăng ký đầu tư, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, hướng dẫn quy trình thủ tục chuẩn bị đầu tư, giải quyết hồ sơ đăng ký đầu tư;

b) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại Chương II Quy định này;

c) Tổng hợp ý kiến các Sở ngành và địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp Quyết định chủ trương, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các dự án thuộc đối tượng thông qua Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư;

đ) Tổng hợp báo cáo định kỳ quý, năm cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư giao Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Nhà đầu tư kèm theo bản tóm tắt hướng dẫn trình tự, thủ tục các bước triển khai dự án, quy định chế độ báo cáo tiến độ triển khai dự án theo biểu mẫu để nhà đầu tư thực hiện.

3. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện đầu tư từ khâu đăng ký đầu tư đến khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh. Tổng hợp, đề xuất

giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc có liên quan từ khâu đăng ký đầu tư đến khi dự án đi vào hoạt động.

4. Chủ trì rà soát kết quả thực hiện đầu tư dự án, yêu cầu Nhà đầu tư báo cáo kết quả thực hiện dự án, phối hợp các ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi dự án vi phạm một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều 20 quy định này.

5. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, địa phương nơi có đất dự án xem xét giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của nhà đầu tư liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án.

6. Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định về pháp luật đầu tư.

7. Cập nhật thông tin về dự án đầu tư vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và phần mềm quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách của tỉnh.

8. Mở tài khoản tại các Ngân hàng thương mại chi nhánh Bình Thuận theo lựa chọn của nhà đầu tư để thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

9. Thông báo và yêu cầu các nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

10. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương kiểm tra tiến độ triển khai trên cơ sở đó tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc hoàn trả, tịch thu số tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cho nhà đầu tư.

11. Sao gửi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành, các sở, ngành và địa phương có liên quan.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Hướng dẫn nhà đầu tư về thành phần hồ sơ để thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các vấn đề khác có liên quan đến việc sử dụng đất của dự án; hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định hướng dẫn.

Hướng dẫn các Nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định.

3. Kiểm tra việc sử dụng đất của dự án để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất đã giao, đã cho thuê mà chủ đầu tư dự án vi phạm pháp luật đất đai.

4. Cung cấp trích lục bản đồ vị trí khu đất dự kiến đầu tư dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư; thẩm tra bản vẽ vị trí ranh giới, hiện trạng sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất dự án, sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của vị trí dự án đầu tư.

5. Công bố đầy đủ, công khai quy hoạch, danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn Nhà đầu tư lập hồ sơ chứng nhận sở hữu công trình theo quy định.

7. Theo dõi việc đăng ký thuê đất, giao đất đối với các dự án được chấp thuận đầu tư, theo dõi tiến độ sử dụng đất của các dự án, phối hợp rà soát đề xuất thu hồi đối với các dự án không thực hiện thủ tục đất đai hoặc sử dụng đất không đúng mục đích và thời gian quy định.

8. Cập nhật thông tin về dự án theo chức năng nhiệm vụ được phân công vào phần mềm quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách của tỉnh.

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Xây dựng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

2. Công bố đầy đủ, công khai quy hoạch, danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn các thủ tục liên quan đến xây dựng theo quy định hiện hành.

4. Cập nhật thông tin về dự án theo chức năng nhiệm vụ được phân công vào phần mềm quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách của tỉnh.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

2. Công bố đầy đủ, công khai quy hoạch, danh mục dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện và tiếp nhận hồ sơ kiểm kê rừng, phương án xác định giá trị rừng, phương án trồng rừng thay thế, hồ sơ cấp phép khai thác lâm sản đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng; Trên cơ sở đó chủ trì và phối hợp với các ngành chức năng tổ chức thẩm tra, thẩm định để giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, thẩm tra hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Công thương

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Công thương gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

2. Công bố đầy đủ, công khai quy hoạch, danh mục dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện và tiếp nhận hồ sơ về hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa theo quy định của Luật Thương mại và Luật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

2. Công bố đầy đủ, công khai quy hoạch, danh mục dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện và tiếp nhận hồ sơ về hoạt động liên quan đến du lịch theo quy định của Luật Du lịch và Luật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Khoa học và Công nghệ gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Thẩm định công nghệ sử dụng trong dự án (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyên giao theo quy định của pháp luật về chuyên giao công nghệ quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 32 Luật Đầu tư năm 2014).

Điều 33. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Cục Thuế tỉnh gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Hướng dẫn Nhà đầu tư các thủ tục có liên quan đến việc đăng ký kê khai, nộp các khoản thuế, các khoản thu về đất theo quy định của pháp luật thuế, pháp luật về đất đai.

3. Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước trong việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất thu hồi đối với những dự án cố ý không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

5. Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan để thu hồi nợ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với nhà nước (nếu có).

6. Cập nhật thông tin về Doanh nghiệp, dự án theo chức năng nhiệm vụ được phân công vào phần mềm quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách của tỉnh.

Điều 34. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Sở Tài chính.

Điều 35. Trách nhiệm của Thanh tra tỉnh

Tổ chức kiểm tra, thanh tra các dự án đầu tư khi có chỉ đạo của UBND tỉnh. Hàng quý (cuối quý) tổng hợp gửi UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi.

Điều 36. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý chuyên ngành của Công an tỉnh gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Hướng dẫn Nhà đầu tư lập hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy; tiếp nhận và tổ chức thẩm duyệt hồ sơ phòng cháy, chữa cháy và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

3. Phối hợp xác minh và cung cấp thông tin về nhân thân, năng lực tài chính và tư cách pháp nhân của các cá nhân người nước ngoài, Việt kiều tham gia đầu tư theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cung cấp cho các cơ quan quản lý Nhà nước các thông tin về hoạt động vi phạm pháp luật của Nhà đầu tư để phối hợp, đề xuất giải pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Trách nhiệm của UBND huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn.

2. Công bố đầy đủ, công khai quy hoạch, danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Sao y Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gửi UBND phường, xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan nơi có dự án để theo dõi, hỗ trợ việc triển khai dự án.

4. Tham gia khảo sát thực địa theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư; có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của địa phương gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

5. Chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập và trình phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao hoặc cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp dự án thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng.

6. Có trách nhiệm cử người có thẩm quyền và có chức năng, chuyên môn phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư giới thiệu, hướng dẫn và xác định địa điểm dự án.

7. Chỉ đạo UBND phường, xã, thị trấn nơi có dự án thực hiện công tác thẩm tra, xác nhận và chứng thực về nguồn gốc đất, tài sản trên đất theo đúng quy định tại Điều 65 và Khoản 8 Điều 74, Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; quy trình thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quy trình Chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Quá trình sử dụng đất của các hộ dân nằm trong khu vực dự án; cung cấp thông tin đầy đủ về đất đai để nhà đầu tư thỏa thuận;

chủ trì việc tiến hành thoả thuận giữa nhà đầu tư và người sử dụng đất nếu có đề nghị của một hoặc các bên có liên quan.

8. Xác nhận bản đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án theo thẩm quyền.

9. Chủ động làm việc với các Chủ đầu tư để theo dõi tiến độ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư dự án sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, theo dõi tiến độ đền bù giao đất, tiến độ triển khai xây dựng dự án, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc yêu cầu các chủ đầu tư tuân thủ các quy định về xây dựng và bảo vệ môi trường; đề xuất thu hồi đối với các dự án chậm triển khai.

10. Hàng quý tổng hợp kết quả, tình hình thực hiện đền bù, tình hình triển khai đầu tư dự án, kiến nghị các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn vướng mắc của các dự án.

Điều 38. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

1. Tham gia khảo sát thực địa theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư; có ý kiến thẩm định nội dung các dự án đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

2. Phối hợp với các Sở ngành liên quan xác định vị trí dự án, bàn giao đất dự án tại thực địa, thông báo quy hoạch sử dụng đất, thông báo thu hồi quyền sử dụng đất và phương án đền bù, giải phóng mặt bằng sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Thẩm tra, xác nhận và chứng thực về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của các hộ dân.

4. Kiểm tra phát hiện và xử lý các hành vi lấn chiếm đất đai, sử dụng đất dự án không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO; KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, XỬ PHẠT

Điều 39. Chế độ thông tin báo cáo của sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và Nhà đầu tư

1. Định kỳ 06 tháng (cuối tháng 6 và cuối tháng 12), các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố trực thuộc UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao nêu tại quy định này có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý, giải quyết của ngành, địa phương liên quan đến từng khâu công việc; đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện đầu tư dự án cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư;

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án, tình hình hoạt động dự án (theo biểu mẫu quy định tại Khoản 8, Điều 23 của Quy định này) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở chuyên ngành có liên quan, đồng gửi cho UBND các huyện, thành phố và thị xã nơi thực hiện dự án kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối, hàng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư; tình hình và tiến độ triển khai đầu tư của các dự án; tập hợp báo cáo chuyên đề từng lĩnh vực, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; hướng xử lý các dự án chậm triển khai; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời có gửi cho các ngành liên quan, UBND huyện, thành phố và thị xã biết để phối hợp quản lý.

Điều 40. Về khen thưởng, kỷ luật, xử phạt

1. Thủ trưởng và công chức Nhà nước các cơ quan có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nghiêm túc các Quy định này, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Nhà đầu tư tìm hiểu vị trí, khảo sát và triển khai đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các trường hợp tiêu cực, sách nhiễu gây khó khăn cho Nhà đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai đầu tư dự án hoặc gây thiệt hại cho Nhà đầu tư sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định.

3. Trường hợp Nhà Đầu tư vi phạm quy định về đầu tư, sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

4. Tổ chức đánh giá khen thưởng cho tập thể, cá nhân thực hiện tốt các nội dung tại Quyết định này theo quy định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh công khai quy trình, thủ tục của cơ quan mình có liên quan đến dự án và hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện theo đúng nội dung Quy định này.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này.

Điều 42. Điều khoản khác

1. Đối với các dự án phải xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Thường trực Tỉnh ủy theo quy định tại Quyết định số 75-QĐ/TU ngày 11/12/2015 của Tỉnh ủy. Sau khi lấy ý kiến các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư và chủ đầu tư hoàn chỉnh dự án lại theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Thường trực Tỉnh ủy. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Thường trực Tỉnh ủy, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư hoàn tất thủ tục hồ sơ dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

2. Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh không được quy định thêm trình tự thủ tục nào không đúng với thẩm quyền hoặc khác với các quy định tại Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai